

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Số: 109-2025/CV-HDCAP

v/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế giữa quý 2/2025 và quý 2/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD (Công ty) xin giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 2/2025 biến động trên 10% so với Quý 2/2024, cụ thể như sau:

đvt: đồng

Chỉ tiêu	Quý 2.2025	Quý 2.2024	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/(giảm)
Doanh thu	568,792,792	2,851,928,544	(2,283,135,752)	-80%
Chi phí hoạt động	3,096,529,777	2,980,993,285	115,536,492	4%
Doanh thu hoạt động tài chính	526,977,526	68,028,869	458,948,657	675%
Chi phí tài chính	89,916,138	104,406,928	(14,490,790)	-14%
Lợi nhuận sau thuế	(2,090,675,597)	(165,442,800)	(1,925,232,797)	n/a

- Doanh thu chính Quý 2/2025 của Công ty giảm hơn 2 tỷ đồng, tương ứng giảm 80% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư giảm. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 0.5 tỷ tương ứng tăng 675%, nguyên nhân chủ yếu do thị trường chứng khoán quý 2/2025 tích cực hơn quý 2/2024.

- Chi phí tài chính Quý 2/2025 của Công ty giảm 14 triệu đồng, tương ứng giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Do đó, lợi nhuận Quý 2/2025 của Công ty lỗ hơn 2 tỷ đồng, tăng lỗ gần 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

**Nguyễn Thành Long**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	31/12/2024
1	2	3	4	5
TÀI SẢN	A			
A. Tài sản ngắn hạn	100		19,828,536,127	41,426,039,912
1. Tiền và tương đương tiền	110	7.1	12,712,784,465	29,232,927,281
- Tiền	111		12,712,784,465	29,232,927,281
- Tương đương tiền	112			
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7.2	1,923,851,594	2,141,041,096
- Đầu tư ngắn hạn	121		1,989,311,670	2,141,041,096
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(65,460,076)	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,926,391,479	9,915,956,035
- Trả trước cho người bán	132	7.3	290,478,707	5,040,000,000
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7.4	4,610,910,772	4,875,956,035
- Các khoản phải thu khác	135		25,002,000	
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
4. Hàng tồn kho	140			
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		265,508,589	136,115,500
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.5a	52,508,589	95,825,500
- Tài sản ngắn hạn khác	158	7.6	213,000,000	40,290,000
B. Tài sản dài hạn	200		26,790,312,386	9,924,092,460
1. Các khoản phải thu dài hạn	210			
2. Tài sản cố định	220		1,672,214,990	1,979,979,992
2.1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.7	42,965,000	52,880,000
- Nguyên giá	222		59,490,000	59,490,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16,525,000)	(6,610,000)
2.2. Tài sản cố định vô hình	227	7.8	1,629,249,990	1,927,099,992
- Nguyên giá	228		3,118,500,000	3,118,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,489,250,010)	(1,191,400,008)
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7.9	24,813,961,990	7,625,962,147
- Đầu tư dài hạn khác	253		24,813,961,990	7,625,962,147
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254			
4. Tài sản dài hạn khác	260		304,135,406	318,150,321
- Chi phí trả trước dài hạn	261	7.5b	36,042,316	50,057,231
- Tài sản dài hạn khác	263	7.10	268,093,090	268,093,090
TỔNG TÀI SẢN	270		46,618,848,513	51,350,132,372



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	31/12/2024
1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN	B			
A. Nợ phải trả	300		230,855,262	25,909,420,379
I. Nợ ngắn hạn	310		230,855,262	25,909,420,379
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	7.11	77,243,588	553,988,276
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	7.12	153,611,674	137,434,461
4. Phải trả người lao động	315	7.11		183,263,377
5. Chi phí phải trả	316	7.11		32,400,000
6. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	7.11		25,002,334,265
II. Nợ dài hạn	330			
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		46,387,993,251	25,440,711,993
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	7.13	75,000,000,000	50,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28,612,006,749)	(24,559,288,007)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	430		46,618,848,513	51,350,132,372

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	31/12/2024
1	2	3	4
Chỉ tiêu			
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
1. Tài sản cố định thuê ngoài			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ			
3. Tài sản nhận ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		(741,442,372)	(741,442,372)
5. Ngoại tệ các loại			
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		24,159,000,000	7,619,000,000
6.1. Chứng khoán giao dịch		24,159,000,000	7,619,000,000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ			
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	7.14	487,539,391	400,079,753
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		487,539,391	400,079,753
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	7.15	730,228,140,407	800,930,793,740
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		730,228,140,407	800,930,793,740
9.1. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác			
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	7.16	319,581,478	412,982,830

Người lập biểu

Bah

Trần Đoàn Ngọc Nhi

Kế toán trưởng

mb

Hà Thị Tuyết Nhung

Lập ngày 17 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
HD
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	01	8.1	568,792,792	2,851,928,544	1,141,475,566	3,643,841,972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10	8.5	568,792,792	2,851,928,544	1,141,475,566	3,643,841,972
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	8.2	783,546,351	1,778,995,139	1,297,673,884	3,589,189,062
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		-214,753,559	1,072,933,405	-156,198,318	54,652,910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.3	526,977,526	68,028,869	810,242,083	1,169,262,528
7. Chi phí tài chính	22	8.4	89,916,138	104,406,928	89,937,242	26,153,919
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.5	2,312,983,426	1,201,998,146	4,616,825,265	2,395,112,169
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(2,090,675,597)	(165,442,800)	(4,052,718,742)	(1,197,350,650)
10. Thu nhập khác	31		252,227,398		485,374,768	
11. Chi phí khác	32		252,227,398		485,374,768	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2,090,675,597)	(165,442,800)	(4,052,718,742)	(1,197,350,650)
14. Thuế TNDN hiện hành	51	8.6				
15. Thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2,090,675,597)	(165,442,800)	(4,052,718,742)	(1,197,350,650)
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70	8.7	(279)	(33)	(540)	(239)

Người lập biểu



Trần Đoàn Ngọc Nhi

Kế toán trưởng



Hà Thị Tuyết Nhung

Lập ngày 17 tháng 07 năm 2025



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 2 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		601,853,361	1,523,210,527
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ, và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(728,955,195)	(2,933,146,360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,669,759,990)	(2,379,441,779)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			79,499,670
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(835,953,735)	(1,108,162,588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,632,815,559)	(4,818,040,530)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(7,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			7,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28,604,591,550)	(14,482,824,300)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17,345,555,742	18,619,544,412
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187,946,223	1,126,499,906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11,071,089,585)	5,263,220,018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(13,703,905,144)	445,179,488
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26,416,689,609	1,399,530,062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61).	70		12,712,784,465	1,844,709,550

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Đoàn Ngọc Nhi

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hà Thị Tuyết Nhung

Lập ngày 17 tháng 07 năm 2025



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý 2 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
A	B	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50,000,000,000	75,000,000,000					50,000,000,000	75,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cỏ phiếu quỹ (*)									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(24,477,883,688)	(26,521,331,152)		165,442,800		2,090,675,597	(24,643,326,488)	(28,612,006,749)
Tổng cộng		25,522,116,312	48,478,668,848		165,442,800		2,090,675,597	25,356,673,512	46,387,993,251

Người lập biểu

Trần Đoàn Ngọc Nhi

Kế toán trưởng

Hà Thị Tuyết Nhung

Lập ngày 17 tháng 07 năm 2025



Nguyễn Thành Long



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Quản lý quỹ HD (tên cũ là Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24/11/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 ngày 24/11/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp và được đăng ký thay đổi lần cuối cùng trong năm là thay đổi lần thứ 5 ngày 12/12/2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp còn hiệu lực đến ngày báo cáo như sau: Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2023 về việc thay đổi trụ sở; Số 76/GPĐC-UBCK ngày 14/10/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, giấy phép số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2025 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: : 75.000.000.000 (Bảy mươi lăm tỷ) đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0 3 0 6 2 7 4 6 9 6

Điện thoại : +84 (028) 3915 1818

Fax : +84 (028) 3915 1616

2. Ngành nghề hoạt động

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

3. Người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Trung – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Thành Long – Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Thành Long được ông Nguyễn Quang Trung ủy quyền thực hiện toàn bộ quyền và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy ủy quyền số 14.10/2024/HDCAP-GUQ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

4 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

4.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong năm kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

5 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

5.2 Cam kết kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

5.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

6 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

6.1 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá vốn của chính chứng khoán kinh doanh đó và hạch toán tăng doanh thu tài chính kể từ ngày mua. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6.3 Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

6.5 Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình và vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phần mềm máy tính	05

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

6.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của các cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6.8 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Doanh thu từ cổ tức được chia được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

6.10 Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

7 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

7.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	-	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tiền gửi ngân hàng	12.712.784.465	28.232.927.281
Tiền và các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	-	-
Cộng	12.712.784.465	29.232.927.281
7.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
+ Chứng chỉ tiền gửi VietCredit	-	2.141.041.096
+ Cổ phiếu niêm yết VCI	1.923.851.594	-
Cộng	1.923.851.594	2.141.041.096
7.3 Trả trước cho người bán		
	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
- Trả trước cho người bán (Hồ Hòa Bình)	-	5.000.000.000
- Đặt cọc 50% xây dựng phần mềm voucher cho khách hàng	250.000.000	-
- Trả trước cho các người bán khác	40.478.707	40.000.000
Cộng	290.478.707	5.040.000.000
7.4 Phải thu hoạt động nghiệp vụ		
	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	266.717.375	331.852.815
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	44.193.397	44.103.220
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	4.300.000.000	4.500.000.000
Cộng	4.610.910.772	4.875.956.035
7.5 Chi phí trả trước		
	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
a. Ngắn hạn	52.508.589	95.825.500
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước	52.508.589	95.825.500

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

b. Dài hạn		36.042.316	50.057.231
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước		36.042.316	50.057.231
Cộng		88.550.905	145.882.731
7.6 Tài sản ngắn hạn khác			
	30/06/2025	31/12/2024	
	VND	VND	
- Tạm ứng nhân viên	213.000.000	40.290.000	
Cộng	213.000.000	40.290.000	
7.7 Tài sản cố định hữu hình			
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	
Tăng trong năm	59.490.000	59.490.000	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	59.490.000	59.490.000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.610.000	6.610.000	
Khấu hao trong năm	9.915.000	9.915.000	
Số cuối năm	16.525.000	16.525.000	
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	
Số cuối năm	42.965.000	42.965.000	
7.8 Tài sản cố định vô hình			
	Phần mềm máy tính	Cộng	
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.118.500.000	3.118.500.000	
Tăng trong năm	-	-	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	3.118.500.000	3.118.500.000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.191.400.008	1.191.400.008	
Khấu hao trong năm	297,850,002	297,850,002	
Số cuối năm	1.489.250.010	1.489.250.010	
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.927.099.992	1.927.099.992	
Số cuối năm	1.629.249.990	1.629.249.990	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2025		31/12/2024	
	VND		VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu	236.190	24.313.961.990	76.910	7.625.962.147
Góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Tiềm năng theo Quyết định số 03.25/QĐ-HDCAP ngày 15/11/2024	1	500.000.000	-	-
Cộng	236.191	24.813.961.990	76.910	7.625.962.147

7.10 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Ký quỹ, ký cược	268.093.090	268.093.090
Cộng	268.093.090	268.093.090

7.11 Nợ ngắn hạn

	30/06/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả người bán	77.243.588	553.988.276
Phải trả người lao động	-	183.263.377
Chi phí phải trả	-	32.400.000
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	25.002.334.265
Cộng	77.243.588	25.771.985.918

7.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
-Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNCN	137.434.461	-	683.786.469 (667.609.256)		153.611.674	-
-Thuế môn bài	-	-	3.000.000 (3.000.000)		-	-
Cộng	137.434.461	-	686.786.469 (670.609.256)		153.611.674	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7.13 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Phạm Văn Đầu	39.000.000.000	52.00	26.000.000.000	52.00
- Các chủ sở hữu khác	36.000.000.000	48.00	24.000.000.000	48.00
Cộng	75.000.000.000	100.00	50.000.000.000	100.00

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	25.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.000.000.000	50.000.000.000

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

7.14 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ	400.079.753	409.299.310
Số tăng trong kỳ	255.081.215.864	1.081.505.844.181
- Nhận vốn ủy thác	67.600.000.000	845.128.400.000
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	11.610.763	18.243.706

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Nộp tiền thanh toán phí	156.284.101	583.850.475
- Thu từ nhận cổ tức	2.273.661.000	7.915.350.000
- Chuyển nhượng chứng khoán	185.039.660.000	227.869.219.557
Số giảm trong kỳ	254.993.756.226	1.081.515.063.738
- Phí quản lý tài khoản. phí khác	564.130.910	964.973.738
- Chi tiền mua chứng khoán	13.924.130.000	227.860.000.000
- Rút vốn ủy thác. lãi	240.505.495.316	852.704.340.000
Số dư cuối kỳ	487.539.391	400.079.753

7.15 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	637.246.918.299	693.537.847.740	56.290.929.441
Cổ phiếu niêm yết	330.955.694.559	387.942.624.000	56.986.929.441
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - SIP	145.523.590.000	213.639.824.000	68.116.234.000
CTCP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam - VRG	27.600.000.000	20.400.000.000	(7.200.000.000)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.454.230.000	1.330.000.000	(124.230.000)
Công ty Cổ phần Fecon - FCN	156.377.874.559	152.572.800.000	(3.805.074.559)
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	305.595.223.740	(696.000.000)
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBank) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (*)	3.000.000.000	2.304.000.000	(696.000.000)
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	200.000.000.000	200.000.000.000	-
b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-
Cộng	637.246.918.299	693.537.847.740	56.290.929.441

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
Cổ phiếu niêm yết	465.588.340.000	552.886.620.000	87.298.280.000
FCN	320.064.750.000	328.500.000.000	8.435.250.000
SIP	145.523.590.000	224.386.620.000	78.863.030.000
Cổ phiếu không niêm yết	335.345.453.740	326.143.223.740	(9.202.230.000)
Công ty CP Khách sạn và Du Lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
UXC	3.000.000.000	1.692.000.000	(1.308.000.000)
VRG	27.600.000.000	19.760.000.000	(7.840.000.000)
QTP	1.454.230.000	1.400.000.000	(54.230.000)
Cộng	800.933.793.740	879.029.843.740	78.096.050.000

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường, giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

7.16 Các khoản phải trả của NĐT ủy thác.

	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
Phí quản lý danh mục và lưu ký chứng khoán ủy thác	319.581.478	412.982.830
Cộng	319.581.478	412.982.830

8 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

8.1 Doanh thu

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	329.798.596	600.076.197

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	109.200.000	2.109.200.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	129.794.196	142.652.347
Cộng	568.792.792	2.851.928.544

8.2 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

Là chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí hoạt động dịch vụ	783.546.351	1.778.995.139
Cộng	783.546.351	1.778.995.139

8.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	69.540.954	23.820.380
Lãi từ cổ tức, trái tức	118.405.269	40.600.000
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	339.031.303	3.608.489
Cộng	526.977.526	68.028.869

8.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Lỗ do đầu tư chứng khoán	19.737.467	262.155.990
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	65.460.076	(162.225.990)
Chi phí tài chính khác	4.718.595	4.476.928
Cộng	89.916.138	104.406.928

8.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.312.983.426	1.201.998.146
Cộng	2.312.983.426	1.201.998.146

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

8.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.090.675.597)	(165.442.800)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Chi phí không hợp lệ	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.090.675.597)	(165.442.800)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

8.7 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.090.675.597)	(165.442.800)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.090.675.597)	(165.442.800)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(279)	(33)

9 THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)

Trong kỳ kế toán Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025, thu nhập của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Ông Dương Thế Quang Tổng Giám đốc – Từ ngày 14/10/2022	-	794.550.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

	(Tổng GĐ từ ngày 23/05/2024, trước đó)		
Ông Nguyễn Thành Long	ông Nguyễn Thành Long giữ chức vụ là Phó Tổng Giám đốc)	911.916.000	683.550.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Trà	Kế toán trưởng – Từ ngày 19/10/2022	-	327.850.000
Bà Lê Nguyệt Ánh	Kế toán trưởng – Từ ngày 17/09/2024	37.240.908	-
Hà Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng – Từ ngày 05/02/2025	216.875.390	-
Cộng		1.166.032.298	1.805.950.000

10 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	30/06/2025		30/06/2024	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.712.784.465	-	1.844.709.550	-
Đầu tư ngắn hạn	1.923.851.594	-	1.711.636.089	-
Phải thu hoạt động dịch vụ	4.901.389.479	-	2.296.108.651	-
Đầu tư dài hạn	24.813.961.990	-	8.955.600.000	-
Phải thu khác	315.480.707	-	9.022.000.000	-
Cộng	44.667.468.235	-	23.830.054.290	-

11 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Trong kỳ kế toán Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN ĐOÀN NGỌC NHI

HÀ THỊ TUYẾT NHUNG

NGUYỄN THÀNH LONG